

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 28 – 5 – 2019.

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hoa Lài

2. Ông Nguyễn Phát To

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tuấn Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2019/TL.ST-HNGĐ, ngày 12 tháng 3 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Tố Th; Địa chỉ: Số 242, ấp 1, xã Mỹ Thạnh Đ, huyện Đức H, tỉnh Long A. (Vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Trần Minh Ch; Địa chỉ: Ấp Phú Th, xã Tân Phú Th, huyện Châu Th, tỉnh Hậu G. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 11/3/2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị Tố Th trình bày: Bà và ông Trần Minh Ch tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào tháng 02/2017. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, mâu thuẫn trong cuộc sống, ông Ch thất nghiệp, chỉ lo ăn chơi, không lo cho gia đình, bỏ bê vợ con, cùng bạn bè ăn nhậu thâu đêm, không chú tâm làm ăn, không quan tâm chăm sóc vợ con, chửi bới, xúc phạm và không tôn trọng gia đình bà. Đến ngày 30/6/2017, bà sinh con về quê mẹ nuôi, thời gian đầu ông Ch về thăm con 02 tuần đầu, sau đó cả tháng mới về thăm một lần. Đầu tháng 11/2017 thì ông Ch không về thăm vợ con nữa và cũng không chu cấp tiền nuôi con. Nay nhận thấy mâu thuẫn giữa bà và ông Ch ngày càng trầm trọng không cách nào giải quyết được, hôn nhân không hạnh phúc, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Minh Ch.

Về con chung: Bà và ông Ch có 01 con chung tên: Trần Lê Thiên L (nam) sinh ngày 30/6/2017, hiện đang sống chung với bà. Nếu giải quyết cho ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu L và không yêu cầu ông Ch cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, ông Trần Minh Ch vắng mặt nên không có ý kiến.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Lê Thị Tố Th vắng mặt nên không có ý kiến. Bị đơn ông Nguyễn Minh Ch vắng mặt nên không có ý kiến.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt, nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn và nguyên đơn. Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51; Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy hôn nhân giữa bà Th và ông Ch đã lâm vào tình trạng trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Lê Thị Tố Th được ly hôn với ông Trần Minh Ch; Về con chung: Hiện cháu L dưới 36 tháng tuổi, hiện đang chung sống với bà Th, bà Th chăm sóc nuôi dưỡng tốt, để tránh làm xáo trộn cuộc sống của cháu L đề nghị giao cháu Trần Lê Thiên L (nam) sinh ngày 30/6/2017 cho bà Th tiếp tục nuôi dưỡng, bà Th không yêu cầu ông Ch cấp dưỡng nên ông Ch không có nghĩa vụ cấp dưỡng; Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Ch không ai được quyền ngăn cản. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Th phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Thị Tố Th khởi kiện yêu cầu được ly hôn và nuôi con chung với ông Trần Minh Ch nên xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn và nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng Tòa án đã tiến hành mời ông Trần Minh Ch lên để tiến hành hòa giải và công khai chứng cứ nhằm hàn gắn quan hệ vợ chồng giữa bà Th và ông Ch, tuy nhiên ông Ch không đến, Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng cư trú theo quy định của pháp luật nhưng ông Ch vẫn cố tình vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập ông Ch tham dự phiên tòa sơ thẩm lần 2 hợp lệ nhưng ông Ch vẫn cố tình vắng mặt không lý do và bà Th có yêu cầu xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông Ch, bà Th.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Giữa bà Th, ông Ch xác lập quan hệ hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phú Th vào năm 2017. Quá trình chung sống giữa bà Th, ông Ch phát sinh nhiều mâu thuẫn, nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc nên bà Th yêu cầu được ly hôn với ông Ch. Phía bị đơn ông Ch vắng mặt nên không có ý kiến.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa bà Th và ông Ch nguyên nhân mâu thuẫn chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau, ông Ch thất nghiệp không lo tìm công việc làm ăn mà chỉ lo ăn chơi, không lo cho gia đình, bỏ bê vợ con, không quan tâm chăm sóc vợ, chửi bới, xúc phạm và không tôn trọng gia đình cuộc sống chung của vợ chồng. Nên đến ngày 30/6/2017, bà Th sinh con về quê mẹ ruột sinh sống, ông Ch chỉ đến thăm vợ con thời gian đầu, sau đó thì không đến thăm nữa và cũng không chu cấp tiền nuôi con, từ

tháng 11/2017 thì vợ chồng bà Th ông Ch sống ly thân đến nay. Quá trình tố tụng, Tòa án đã động viên phân tích cho bà Th hàn gắn quan hệ tình cảm vợ chồng với ông Ch nhưng bà Th vẫn cương quyết xin ly hôn. Nhận thấy hôn nhân là sự tự nguyện của cả hai bên, yêu thương, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, tuy nhiên phía bà Th không mong muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng với ông Ch. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Th và ông Ch đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà Th xin ly hôn với ông Ch là có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho bà Lê Thị Tố Th được ly hôn với ông Trần Minh Ch.

[4] Về con chung: Xét yêu cầu nuôi con chung là cháu Trần Lê Thiên L (nam) sinh ngày 30/6/2017 của bà Th, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Th xác định, từ khi ly thân đến nay cháu L vẫn đang sống chung với bà, được bà Th chăm sóc nuôi dưỡng tốt. Hơn nữa, cháu L hiện dưới 36 tháng tuổi, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ nuôi. Về điều kiện kinh tế bà Th có chỗ ở, công việc làm và thu nhập ổn định nên đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L trưởng thành, do đó để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần, không làm xáo trộn cuộc sống, ổn định cuộc sống hiện tại của cháu L. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết giao cháu Trần Lê Thiên L (nam), sinh ngày 30/6/2017 cho bà Th tiếp tục nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng: Do bà Th không yêu cầu ông Ch cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Bà Th xác định không có, không yêu cầu giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[8] Từ những tình tiết, chứng cứ nêu trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[9] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Tố Th phải chịu 300.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

3. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Lê Thị Tố Th được ly hôn với ông Trần Minh Ch.

4. Về con chung: Giao cháu Trần Lê Thiên L (nam), sinh ngày 30/6/2017 cho bà Th tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên.

5. Về cấp dưỡng: Bà Th không yêu cầu ông Ch cấp dưỡng nuôi con chung nên ông Ch chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Trần Minh Ch không ai được quyền cản trở.

6. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

7. Về nợ chung: Bà Lê Thị Tố Th xác định không có, không yêu cầu giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

8. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Tố Th phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền

tạm ứng án phí bà Th đã nộp theo biên lai thu tiền số 0018743 ngày 11 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí (bà Th đã nộp xong).

9. Nguyên đơn bà Lê Thị Tố Th được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 28/5/2019. Bị đơn ông Trần Minh Ch được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

10. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- UBND xã Tân Phú Thạnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Hương